TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 – 2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Danh.

2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 288/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hoài H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 01, ấp VT, xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 01, ấp VT, xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Khu dân cư ấp VB, xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Phạm Lệ V, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 18, ấp VB, xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Phạm Hoài H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị L vắng mặt không rõ lý do, bà Phạm Lệ V có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Phạm Hoài H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hoài H và bà Nguyễn Thị L tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT1, huyện AP (theo bản sao Trích lục kết hôn số 436/TLKH-BS ngày 08/3/2022 của UBND xã VT1, huyện AP). Sau khi kết hôn ông H và bà L sống riêng tại: ấp VT, xã VT1. Quá trình chung sống, thời gian đầu ông H và bà L chung sống với nhau tương đối hạnh phúc, thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L không chăm lo gia đình, hay cờ bạc. Ông H nhiều lần khuyên can nhưng bà L không thay đổi. Tuy nhiên, ông H vẫn bỏ qua và tiếp tục chung sống với bà L. Đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do khi đi làm thuê, ông H dành dụm được một số vốn định làm ăn nuôi con, nhưng bà L đã cầm hết số tiền này đi cờ bạc. Sau khi cờ bạc thua hết tiền thì bà L cũng bỏ đi. Ông H và bà L cũng sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông H và bà L có với nhau 02 con chung tên: Phạm Kim N, sinh ngày 27/5/2011 và Phạm Văn G, sinh ngày 05/12/2008. Cả hai con chung hiện đang sống cùng gia đình bà L. Ông H đồng ý để bà L được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, ông H sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà Nguyễn Thị L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/4/2022 nhưng bà L vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 20/4/2022, ông H có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn xa không về được.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do ông H giao nộp: Bản sao Giấy khai sinh mang tên Phạm Kim N và Phạm Văn G; bản sao Trích lục kết hôn số 436/TLKH-BS ngày 08/3/2022 của UBND xã VT1, huyện AP; bản photo Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần Thị S; bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Hoài H.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Công an xã VT1, huyện AP.

Tại phiên tòa, do ông H và bà L cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của ông H, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 24/4/2022, bà Phạm Lệ V cho biết: Bà V là em ruột của ông Phạm Hoài H, khi ông H và bà L còn chung sống với nhau thì bà V sống gần nhà nên bà V biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H và bà L:

Ông H và bà L trước đây tự tìm hiểu, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2005, không tổ chức lễ cưới, cả 02 có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT1, huyện AP. Quá trình chung sống, giữa ông H và bà L chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bà L không chăm lo cho gia đình, bản thân bà L không nghề nghiệp nhưng lại thường xuyên cờ bạc, gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà L không thay đổi. Đến năm 2015 thì bà L bỏ nhà đi, sau đó bà L và ông H sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông H và bà L có với nhau 02 con chung tên: Phạm Kim N, sinh ngày 27/5/2011 và Phạm Văn G, sinh ngày 05/12/2008. Cả hai con chung hiện đang sống cùng gia đình bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do bận công việc làm ăn nên bà L yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia xét xử.

- Theo biên bản xác minh ngày 29/4/2022 tại Công an xã VT1, huyện AP: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 01, ấp VT, xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang. Bà L thường xuyên sinh sống tại địa phương, bà L hiện đang sinh sống tại: Khu dân cư ấp VB, xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Nguyễn Thị L vắng mặt lần thứ hai không lý do; ông Phạm Hoài H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Phạm Lệ V đã có lời khai tại Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của ông H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông H và bà L đã đến mức trầm trọng, ông H và bà L sống ly thân đã lâu, không hàn gắn tình cảm. Do đó, đề nghị chấp nH yêu cầu xin ly hôn của ông H. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của ông H để bà L được trực tiếp nuôi dạy 02 con chung, ông H không

phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp L các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị L đều vắng mặt không lý do; đồng thời, bà L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà L đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn ông Phạm Văn H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Phạm Lệ V có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa ông H và bà L hình thành do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT1, huyện AP (theo bản sao Trích lục kết hôn số 436/TLKH-BS ngày 08/3/2022 của UBND xã VT1, huyện AP). Bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 01, ấp VT, xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H cho rằng, ông H và bà L sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm, nguyên nhân là do bà L đã cầm hết số tiền làm ăn của gia đình đi cờ bạc. Sau khi cờ bạc thua hết tiền thì bà L cũng bỏ đi. Những mâu thuẫn mà ông H trình bày được bà Phạm Lệ V là xác nhận trong biên bản ghi lời khai người làm chứng.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa ông H và bà L lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông H và bà L sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thế nH thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa ông H và bà

L đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của ông H, nguyện vọng của con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định công nH sự tự nguyện của ông H để bà L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Phạm Kim N, sinh ngày 27/5/2011 và Phạm Văn G, sinh ngày 05/12/2008.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho ông H về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng ông H cho rằng bản thân không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Bà L cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng. Nếu sau này bà L có yêu cầu ông H cấp dưỡng để nuôi dạy con chung thì Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Phạm Hoài H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị L. Ngược lại, bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Hoài H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Hoài H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này bà L có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Ông Phạm Hoài H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Hoài H và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Hoài H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hoài H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dạy hai con chung tên: Phạm Kim N, sinh ngày 27/5/2011 và Phạm Văn G, sinh ngày 05/12/2008. Ông Phạm Hoài H không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Phạm Hoài H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị L. Ngược lại, bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Hoài H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Ông Phạm Hoài H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006913 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông Phạm Hoài H và bà Nguyễn Thị L. Ông H và bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 19/01/2011 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 436/TLKH-BS ngày 08/3/2022) của Ủy ban nhân dân xã VT1, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Hoài H và bà Nguyễn Thị L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã VT1;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân